

# KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA BỆNH VIỆN UNG BƯỚU THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2014-2018

VŨ XUÂN PHÚ<sup>1</sup>  
NGUYỄN THỊ NGỌC UYÊN<sup>2</sup>, NGUYỄN THU HÀ<sup>3</sup>  
<sup>1</sup>Bệnh viện Phổi Trung ương  
<sup>2</sup>Bệnh viện Ung Bướu Thành phố Hồ Chí Minh  
<sup>3</sup>Trường Đại học Y tế Công cộng

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Phân tích kết quả hoạt động tài chính của Bệnh viện Ung Bướu Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn 2014-2018, nhằm cung cấp các thông tin giúp nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý tài chính bệnh viện trong giai đoạn mới.

**Phương pháp:** Kết hợp định tính và định lượng. Sử dụng bảng kiểm để thu thập số liệu định lượng về kết quả hoạt động tài chính từ 2014-2018 từ sổ sách kế toán và báo cáo tài chính. Phỏng vấn sâu 07 lãnh đạo quản lý của bệnh viện để thu thập các số liệu định tính giải thích cho kết quả hoạt động tài chính.

**Kết quả:** Tổng thu tăng đều qua các năm, đặc biệt là từ năm 2017 trở về sau. Thu ngân sách nhà nước (NSNN) giảm từ 109,2 tỷ đồng vào năm 2014 đến năm 2018 bệnh viện đã tự chủ hoàn toàn. Tổng chi năm 2014 là 792,5 tỷ đồng, đến năm 2018 là 1.470,7 tỷ đồng. Chênh lệch thu chi tăng dần, từ 128,5 tỷ đồng vào năm 2014 đến 222,3 tỷ đồng vào năm 2018. Thu nhập bình quân hàng tháng của cán bộ y tế tăng dần qua các năm.

**Kết luận:** Kết quả hoạt động tài chính của bệnh viện phản ánh quá trình bệnh viện tiến hành thực hiện tự chủ một phần đến tự chủ hoàn toàn về tài chính từ năm 2014 đến năm 2018 và đặc điểm của bệnh viện chuyên khoa ung bướu tuyến cuối.

**Từ khóa:** Tài chính bệnh viện, quản lý tài chính, tài chính y tế, kết quả thu-chi, NSNN, bảo hiểm y tế.

## SUMMARY

THE FINANCIAL PERFORMANCE OF HO CHI MINH CITY ONCOLOGY HOSPITAL FROM 2014 TO 2018

Chịu trách nhiệm: Vũ Xuân Phú  
Email: xuanphu.vu@gmail.com  
Ngày nhận: 28/12/2020  
Ngày phản biện: 18/01/2021  
Ngày duyệt bài: 02/02/2021

**Objective:** To analyze the financial performance of Ho Chi Minh City Oncology Hospital in the period 2014 - 2018, in order to provide evidence to improve the efficiency of hospital financial management in the near future.

**Method:** Checklists were employed to collect quantitative data on financial performance from 2014-2018 from accounting books and financial statements. In-depth interviews with 07 leaders of related departments of the hospital to collect qualitative data to explain the financial performance trend.

**Research results:** hospital Revenue steadily increased over the period, especially from 2017 onwards. State budget revenue decreased from 109.2 billion VND in 2014 to 0 billion VND in 2018, when the hospital was fully autonomous. Total expenditure in 2014 was 792.5 billion VND, by 2018 it was 1,470.7 billion VND. The difference between revenues and expenditures increased gradually, from 128.5 billion VND in 2014 to 222.3 billion VND in 2018. The average monthly income of employees increased over the years.

**Conclusion:** The financial performance of the hospital clearly reflected the change of the hospital from partial financial autonomy to full financial autonomy and the characteristics of the hospital specializing in oncology.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Sau 15 năm thực hiện Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ (sau này là Nghị định 16/2015/NĐ-CP) quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập, chất lượng dịch vụ tại các đơn vị này đã không ngừng được nâng cao tạo điều kiện để người dân có nhiều cơ hội lựa chọn, tiếp cận dịch vụ, góp phần cải thiện từng bước thu nhập của người lao động [1].

Hiện nay, nguồn tài chính của các bệnh viện công lập bao gồm ngân sách nhà nước (NSNN), bảo hiểm y tế (BHYT), viện phí và các nguồn thu

khác. NSNN ngày càng giảm theo sự gia tăng mức độ tự chủ, tạo ra nhiều thách thức cho các bệnh viện trong tự cân đối thu - chi. Thay thế cho NSNN, nguồn thu chủ yếu của bệnh viện là BHYT và viện phí. Với các bệnh viện chuyên khoa ung bướu, sự gia tăng về chi phí điều trị do gia tăng gánh nặng các bệnh ung thư cũng như sự phát triển nhanh chóng của các thuốc và công nghệ y tế đắt tiền cũng tạo ra nhiều thách thức đặc thù trong cân đối thu-chi.

Từ 2006 đến 2016, Bệnh viện Ung Bướu Thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo một phần chi phí theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP. Đến 2017, Bệnh viện là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo toàn bộ chi phí hoạt động thường xuyên theo Nghị định 16/2015/NĐ-CP. Cuối năm 2020, cùng với cơ sở 1, cơ sở 2 tại quận 9 với quy mô 1.000 giường bắt đầu hoạt động. Để đảm bảo đủ kinh phí cho 2 cơ sở và không ngừng cải thiện đời sống cho cán bộ y tế (CBYT), nội dung quản lý tài chính là một trong những nhiệm vụ rất quan trọng. Vì vậy, bài báo này tập trung phân tích kết quả hoạt động tài chính của Bệnh viện Ung Bướu Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn kể từ khi bệnh viện tiến hành tự chủ một phần đến khi tự chủ hoàn toàn về tài chính (từ 2014-2018) nhằm cung cấp những thông tin hữu ích cho việc quản lý tài chính bệnh viện trong thời gian tới.

## **ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **Thiết kế nghiên cứu**

Kết hợp định tính và định lượng. Cấu phần định tính được thực hiện sau cấu phần định lượng để bổ sung, giải thích cho vấn đề nghiên cứu.

### **Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu định lượng: Sổ sách kế toán, báo cáo kết quả hoạt động tài chính của bệnh viện từ 2014 đến 2018;

Đối tượng nghiên cứu định tính: Lãnh đạo Bệnh viện, quản lý các khoa phòng trong bệnh viện.

### **Địa điểm và thời gian nghiên cứu**

Thực hiện từ tháng 4/2019 đến tháng 10/2019 tại Bệnh viện Ung Bướu Thành phố Hồ Chí Minh.

### **Phương pháp thu thập số liệu**

Sử dụng bảng kiểm để thu thập số liệu định lượng từ các báo cáo tài chính, bảng thanh toán tiền lương và các khoản thu nhập khác, báo cáo số lượng cán bộ viên chức, báo cáo chất lượng cán bộ viên chức của bệnh viện, báo cáo tài sản

được đầu tư mua sắm, báo cáo tăng giảm tài sản, biên bản kiểm kê tài sản và báo cáo kết quả hoạt động của bệnh viện từ năm 2014 đến 2018.

Sử dụng hướng dẫn phỏng vấn sâu (PVS) để PVS 07 đối tượng bao gồm 01 lãnh đạo bệnh viện và 06 quản lý các khoa phòng (Phòng Kế hoạch Tổng hợp, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Tổ chức Cán bộ, Phòng Hành chính Quản trị, Phòng Vật tư Trang thiết bị y tế và Khoa Dược).

**Biến số nghiên cứu định lượng:** Gồm nhóm biến số về nguồn thu, chi, cân đối thu chi:

**Nguồn thu:** Gồm biến số về tổng thu, thu NSNN, thu viện phí (gồm thu viện phí (không BHYT); thu đồng chi trả BHYT, thu BHYT) và thu hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Hoạt động chi:** Gồm các biến số về tổng chi, chi cho con người, chi cho chuyên môn nghiệp vụ; chi hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Chênh lệch thu chi:** Gồm các biến số về trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, tiền lương tăng thêm.

**Chủ đề nghiên cứu định tính:** Gồm nhận định của đối tượng về thực trạng nguồn thu, khả năng tăng cường nguồn thu, thực trạng hoạt động chi, khả năng tiết kiệm chi và đánh giá về kết quả hoạt động tài chính.

### **Phương pháp phân tích số liệu**

Số liệu từ các bảng kiểm được xử lý theo phương pháp thống kê mô tả; các PVS được gỡ băng và mã hóa, phân tích theo chủ đề phù hợp.

### **Đạo đức trong nghiên cứu**

Nghiên cứu được thực hiện sau khi được Hội đồng Đạo đức Trường Đại học Y tế Công cộng thông qua số 174/2019/YTCC-HD3, ngày 18/04/2019 và được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Bệnh viện Ung Bướu Thành phố Hồ Chí Minh và sự chấp thuận tự nguyện của các đối tượng tham gia PVS.

### **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

#### **1. Phân tích nguồn thu**

Các nguồn thu của bệnh viện gồm có NSNN và thu sự nghiệp. Thu sự nghiệp bao gồm thu viện phí (thu không BHYT, thu đồng chi trả, thu BHYT) và thu dịch vụ (khám chữa bệnh (KCB) theo yêu cầu, phòng khám ngoài giờ, nhà thuốc, và xã hội hóa) (xem bảng 1). Tổng thu tăng từ 921 tỷ đồng vào năm 2014 lên 1.693 tỷ đồng vào năm 2018. Nguồn NSNN giảm dần, đến 2017 thì NSNN thường xuyên bằng không. Riêng năm 2017 và 2018, bệnh viện được NSNN cấp 5.397 và 5.562 triệu đồng cho Đề án Bệnh viện vệ tinh theo Quyết định 774/QĐ-BYT.

Bảng 1. Nguồn thu của Bệnh viện Ung Bướu Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014- 2018 (đơn vị: triệu đồng)

| TT  | Chỉ tiêu           | Năm 2014        | Năm 2015        | Năm 2016          | Năm 2017          | Năm 2018          |
|-----|--------------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------------|-------------------|
|     |                    | Số tiền (%)     | Số tiền (%)     | Số tiền (%)       | Số tiền (%)       | Số tiền (%)       |
|     | Tổng thu           | 921.012 (100)   | 1.005.076 (100) | 1.261.081 (100)   | 1.485.261 (100)   | 1.693.016 (100)   |
| I   | Thường xuyên       | 921.012 (100)   | 1.005.076 (100) | 1.261.081 (100)   | 1.479.864 (99,64) | 1.687.454 (99,67) |
| 1   | NSNN               | 109.200 (11,86) | 99.840 (9,93)   | 94.576 (7,50)     | 0 (0,00)          | 0 (0,00)          |
| 2   | Sự nghiệp          | 811.812 (88,14) | 905.236 (90,07) | 1.166.505 (92,50) | 1.479.944 (99,64) | 1.687.454 (99,67) |
| 2.1 | Viện phí           | 649.985 (70,57) | 727.043 (72,34) | 912.004 (72,32)   | 1.124.326 (75,70) | 1.148.742 (67,85) |
| 2.2 | Hoạt động dịch vụ  | 161.827 (17,57) | 178.193 (17,73) | 254.501 (20,18)   | 355.618 (23,94)   | 438.712 (25,91)   |
| II  | Không thường xuyên | 0               | 0               | 0                 | 5.397 (0,36)      | 5.562 (0,33)      |
|     | NSNN               | 0               | 0               | 0                 | 5.397 (0,36)      | 5.562 (0,33)      |

Kết quả PVS cũng giải thích cho xu hướng thay đổi các nguồn thu của bệnh viện:

“NSNN giảm dần qua các năm, 2017 và 2018 bằng không. Nguyên nhân là do từ 2017 bệnh viện đã đăng ký tự chủ lên nhóm 2 theo Nghị định 85” (PVS1).

“Nguồn thu sự nghiệp tăng lên đáng kể nhất từ 2017 vì đây là năm đầu tiên hoàn toàn tự chủ. Trong đó nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tăng mạnh nhất, cơ bản là thu dịch vụ phẫu thuật, xạ trị, giường dịch vụ hay tầm soát ung thư theo yêu cầu...” (PVS2).

“Với sự cho phép của cơ chế, lãnh đạo bệnh viện đã rất năng động để tăng cường nguồn thu chính đáng cho toàn bệnh viện” (PVS6).

“Lý do khiến thu sự nghiệp tăng là bệnh viện đã rất linh hoạt trong việc bố trí phòng khám ngoài giờ linh động theo nhu cầu. Khám bệnh ngoại trú từ 5 giờ 00 đến 7 giờ 30 và từ 16 giờ 00 đến 19 giờ 00. Đồng thời thu từ hoạt động xã hội hóa trong đó có liên kết đặt máy siêu âm doppler màu, máy CT Scanner 64 lát và máy xạ trị gia tốc” (PVS4).

Tuy nhiên, kết quả PVS cũng cho thấy khó khăn trong việc tiếp tục tăng cường từ nguồn thu hoạt động dịch vụ và BHYT:

“Nguồn thu cũng bị hạn chế bởi các chính sách khác như chính sách về liên doanh liên kết. Từ năm 2014 đến 2017 bệnh viện đã liên doanh liên kết đặt được 01 máy siêu âm, 01 máy CT Scanner 64 lát, 01 máy xạ trị gia tốc và 8 máy siêu âm. Nguồn thu tăng dần góp phần phục vụ bệnh nhân và mang lại lợi nhuận cho bệnh viện. Tuy nhiên đến đầu năm 2018 thì Nghị định 151 về quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu lực thì bệnh viện gặp khó khăn trong liên doanh, liên kết” (PVS2).

“Việc đảm bảo nguồn thu từ BHYT gặp rất nhiều khó khăn vì quỹ BHYT có xu hướng mất cân đối trong những năm gần đây. Đồng thời là nhiều quy định khác nhau trong giám định hay thanh quyết toán chi phí KCB BHYT” (PVS6).

Bảng 2 cho thấy xu hướng tăng dần của thu viện phí, đặc biệt tăng cao từ năm 2017, với tỷ trọng thu thuốc BHYT là cao nhất. Kết quả PVS giải thích lý do khiến tỷ trọng thuốc BHYT chi trả là cao nhất: “Bệnh viện chuyên khoa ung bướu có rất nhiều đặc thù trong đó chi cho thuốc, máu, chế phẩm của máu là chính vì nhiều loại thuốc rất đắt tiền. Điều này có thể khác so sánh với các bệnh viện đa khoa khác” (PVS6).

Bảng 2. Phân tích chi tiết nguồn thu viện phí, năm 2014 - 2018 (đơn vị: triệu đồng)

| TT | Nguồn thu                 | Năm 2014        | Năm 2015        | Năm 2016        | Năm 2017        | Năm 2018        |
|----|---------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
|    |                           | Số tiền (%)     | Số tiền (%)     | Số tiền (%)     | Số tiền (%)     | Số tiền (%)     |
|    | Tổng thu viện phí         | 649.985 (100)   | 727.043 (100)   | 912.004 (100)   | 1.124.246 (100) | 1.248.742 (100) |
| 1  | Thu viện phí (không BHYT) | 79.911 (12,29)  | 66.164 (9,10)   | 84.538 (9,27)   | 80.983 (7,20)   | 89.100 (7,14)   |
| 2  | Thu đồng chi trả BHYT     | 134.656 (20,72) | 161.365 (22,19) | 172.870 (18,95) | 204.952 (18,23) | 217.258 (17,40) |

|     |                       |                    |                    |                    |                    |                    |
|-----|-----------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| 3   | Thu BHYT              | 435.418<br>(66,99) | 499.514<br>(68,7)  | 654.596<br>(71,78) | 838.311<br>(74,57) | 942.384<br>(75,47) |
| 3.1 | Thuốc BHYT            | 337.250<br>(51,89) | 376.534<br>(51,79) | 492.788<br>(54,03) | 616.016<br>(54,79) | 701.117<br>(56,15) |
| 3.2 | Máu BHYT              | 6.390<br>(0,98)    | 10.808<br>(1,49)   | 13.791<br>(1,51)   | 15.008<br>(1,33)   | 15.817<br>(1,27)   |
| 3.3 | Dịch vụ kỹ thuật BHYT | 91.418<br>(14,06)  | 111.972<br>(15,40) | 147.849<br>(16,21) | 207.123<br>(18,42) | 225.278<br>(18,04) |
| 3.4 | Khác                  | 359<br>(0,06)      | 200<br>(0,03)      | 168<br>(0,02)      | 164<br>(0,01)      | 172<br>(0,01)      |

## 2. Phân tích hoạt động chi

Bảng 3. Kết quả hoạt động chi của bệnh viện, năm 2014 - 2018 (đơn vị: triệu đồng)

| STT | Chỉ tiêu                     | Năm 2014           | Năm 2015           | Năm 2016           | Năm 2017             | Năm 2018             |
|-----|------------------------------|--------------------|--------------------|--------------------|----------------------|----------------------|
|     |                              | Số tiền<br>(%)     | Số tiền<br>(%)     | Số tiền<br>(%)     | Số tiền<br>(%)       | Số tiền<br>(%)       |
|     | Tổng chi                     | 792.647<br>(100)   | 862.324<br>(100)   | 1.098.998<br>(100) | 1.312.969<br>(100)   | 1.470.710<br>(100)   |
| I   | Thường xuyên                 | 792.647<br>(100)   | 862.324<br>(100)   | 1.098.998<br>(100) | 1.307.572<br>(99,59) | 1.465.148<br>(99,62) |
| 1   | Chi cho con người            | 120.003<br>(15,14) | 132.016<br>(15,31) | 151.066<br>(13,75) | 155.937<br>(11,93)   | 176.058<br>(12,02)   |
| 2   | Chi cho chuyên môn nghiệp vụ | 631.103<br>(79,64) | 675.715<br>(78,36) | 875.591<br>(79,67) | 1.045.212<br>(79,94) | 1.144.989<br>(78,15) |
| 3   | Chi cho hoạt động dịch vụ    | 41.362<br>(5,22)   | 54.593<br>(6,33)   | 72.341<br>(6,58)   | 106.423<br>(8,14)    | 144.101<br>(9,84)    |
| II  | Không thường xuyên           | 0                  | 0                  | 0                  | 5.397<br>(0,41)      | 5.562<br>(0,38)      |

Bảng 3 cho thấy tổng chi của bệnh viện năm 2018 tăng 1,86 lần so với năm 2014. Chi cho chuyên môn nghiệp vụ chiếm tỉ trọng cao nhất, tiếp đến là chi cho con người và thấp nhất là chi cho hoạt động dịch vụ. Trong nhóm chi cho nghiệp vụ chuyên môn, mua thuốc chiếm tỉ trọng cao nhất (trên 79%), tiếp đến là chi phí thuê mướn (gồm thuê dịch vụ vệ sinh, bảo vệ, hộ lý, phương tiện vận chuyển, mời hội chẩn). Kết quả PVS lý giải chi nghiệp vụ chuyên môn chiếm tỷ trọng lớn liên quan đến đặc thù của bệnh viện:

*“Chi cho chuyên môn nghiệp vụ chiếm tỉ lệ cao hoàn toàn bình thường, vì là bệnh viện chuyên khoa tuyến cuối điều trị ung thư phải dùng nhiều loại thuốc đặc trị, phần lớn là bệnh nhân cũ đã điều trị lâu ngày, cần sử dụng biệt dược gốc có giá trị cao vài chục triệu cho một đợt điều trị mới đáp ứng nhu cầu điều trị, tỉ lệ thuốc chiếm trên 60% tổng chi. So với các bệnh viện khác thì tỉ lệ thuốc chiếm rất ít mà tỉ lệ các kỹ thuật dịch vụ mới là cao nhất. Điều này cho thấy số thu lớn nhưng chênh lệch thu chi sẽ không lớn” (PVS2)*

Chi hoạt động dịch vụ năm 2018 cũng tăng 3,48 lần so với năm 2014, được lý giải liên quan đến việc mở rộng hoạt động dịch vụ của bệnh viện:

*“Chi cho hoạt động dịch vụ gồm các điện nước, vật tư, khấu hao tài sản, tiền công cho nhân viên tham gia làm dịch vụ, nộp thuế theo quy định. Tăng là tất yếu tương ứng với thu cho bệnh viện từ hoạt động này. Trong thời gian tới chi cho hoạt động dịch vụ còn cần cải thiện để tăng cường chất lượng, tăng sự hài lòng cho khách hàng...” (PVS3).*

## 3. Kết quả chênh lệch thu chi tài chính từ năm 2014 đến năm 2018

Bảng 4. Kết quả chênh lệch thu chi tài chính, năm 2014-2018 (đơn vị: triệu đồng)

| TT  | Chỉ tiêu                           | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 | Năm 2017 | Năm 2018 |
|-----|------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|
|     | Chênh lệch thu chi                 | 128.545  | 142.752  | 162.083  | 172.292  | 222.306  |
| 1   | Chi thu nhập tăng thêm             | 66.473   | 68.428   | 69.469   | 73.731   | 93.341   |
| 2   | Trích lập các quỹ                  | 62.072   | 74.325   | 92.614   | 98.561   | 128.965  |
| 2.1 | Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp | 39.237   | 47.120   | 62.395   | 66.138   | 92.355   |
| 2.2 | Quỹ ổn định thu nhập               | 0        | 1.600    | 500      | 800      | 1.000    |
| 2.3 | Quỹ khen thưởng                    | 862      | 1.058    | 1.084    | 1.207    | 1.407    |
| 2.4 | Quỹ phúc lợi                       | 21.973   | 24.547   | 26.673   | 30.417   | 34.203   |

|     |                                              |        |        |        |        |         |
|-----|----------------------------------------------|--------|--------|--------|--------|---------|
| 3   | Sử dụng các quỹ                              | 37.193 | 50.945 | 53.448 | 67.933 | 122.151 |
| 3.1 | Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp           | 14.791 | 25.642 | 25.738 | 37.100 | 86.927  |
|     | Mua sắm tài sản cố định, trang thiết bị y tế | 3.459  | 6.899  | 7.724  | 14.171 | 56.730  |
|     | Sửa chữa lớn, duy tu đường                   | 6.724  | 11.911 | 13.044 | 15.953 | 14.816  |
|     | Khác                                         | 4.608  | 6.832  | 4.970  | 6.976  | 15.381  |
| 3.2 | Quỹ ổn định thu nhập                         | 0      | 0      | 0      | 0      | 0       |
| 33  | Quỹ khen thưởng                              | 429    | 756    | 780    | 795    | 927     |
| 3.4 | Quỹ phúc lợi                                 | 21.973 | 24.547 | 26.930 | 30.039 | 34.297  |

Chênh lệch thu chi tăng qua các năm (xem bảng 4). Năm 2018 tăng 1,73 lần so với năm 2014. Trích lập các quỹ tăng dần qua các năm và được nhận định là phù hợp với tình hình phát triển của bệnh viện:

“Mức trích lập các quỹ là phù hợp với tình hình phát triển của bệnh viện, bệnh viện chuyên khoa tuyến cuối về bệnh lý ung thư nên cần đầu tư trang bị hiện đại” (PVS 1).

“Mức chênh lệch thu chi cao nên nhờ đó năm 2018 bệnh viện trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp với số tiền hơn 92 tỉ” (PVS2).

“Các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi tăng nhưng không nhiều do phải tập trung cho Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp” (PVS6).

Sử dụng các quỹ cũng tăng từ 37 tỷ vào năm 2014 đến 122 tỷ vào năm 2018. Kết quả PVS đưa ra một số lý giải như sau:

“Có gia tăng sử dụng các quỹ tuy nhiên xu hướng chung là không chi hết quỹ đã trích. Số dư từ các quỹ được chuyển sang sử dụng cho năm sau. Trong các quỹ thì sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp là nhiều nhất cơ bản là để mua sắm, sửa chữa lớn” (PVS2).

“Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để đầu tư mua sắm tài sản cho Khoa Điều trị Tổng hợp, đây là Khoa điều trị dịch vụ theo yêu cầu” (PVS1).

Tổng thu nhập của CBYT tăng từ 196,9 tỷ đồng vào 2014 lên 293,7 tỷ đồng vào 2018 với sự gia tăng tổng CBYT từ 1.440 lên 1.593 người. Thu nhập bình quân hằng tháng của CBYT tăng từ 11,4 triệu lên 15,4 triệu từ năm 2014 đến 2018.

#### BÀN LUẬN

Tổng thu của bệnh viện 2018 tăng 1,84 lần so với 2014. Sự gia tăng này tương tự với nghiên cứu khác như Nguyễn Thị Tuyền Linh (2014) với tổng thu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Tiền Giang từ 2009 đến 2013 tăng 1,8 lần [2]. Trong khi đó, thu NSNN giảm còn bằng không, là điều tất yếu do bệnh viện đã tự chủ hoàn toàn chi thường xuyên từ 2017.

Thu sự nghiệp tăng liên tục qua các năm, mạnh nhất là từ 2017 - là năm đầu tiên bệnh

viện tự chủ hoàn toàn chi thường xuyên. Điều này được các đối tượng tham gia PVS lý giải rằng cơ chế tài chính phù hợp đồng thời có sự năng động của lãnh đạo bệnh viện đã ảnh hưởng tích cực đến nguồn thu của bệnh viện. Tuy nhiên khả năng tăng cường nguồn thu trong thời gian tới của bệnh viện cũng được nhận định là bị hạn chế, chẳng hạn như vấn đề liên doanh liên kết theo nghị định 151/2017/NĐ-CP.

Thu BHYT chiếm tỉ lệ rất cao, được nhận định là nguồn thu chủ lực của bệnh viện, năm 2018 chiếm 75,47% trên tổng thu viện phí. Đặc biệt là số thu từ thuốc chiếm tỉ trọng cao nhất, số thu từ dịch vụ kỹ thuật chiếm tỉ trọng thấp. Đây là điểm đặc thù của Bệnh viện chuyên khoa ung bướu “*khi phải sử dụng thuốc đặc trị để hóa trị liệu cho bệnh nhân, thuốc có giá trị rất cao, nhiều loại thuốc đặc trị chỉ có thuốc biệt dược gốc mà không có nhóm khác để thay thế*”. Việc tiếp tục duy trì và tăng cường nguồn thu BHYT được nhận định là gặp nhiều khó khăn vì một số lý do. Thứ nhất, từ 2018 trở đi, BHYT giao dự toán BHYT cho bệnh viện, bệnh viện phải quản lý để không vượt dự toán thay vì vẫn được đồng ý thanh toán vượt trần BHYT do nguyên nhân khách quan như trước 2017. Thứ hai, bệnh viện mặc dù đã ưu tiên đầu tư cho hệ thống công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ hoạt động thanh quyết toán chi phí KCB BHYT một cách đồng bộ, tuy nhiên vẫn chưa thực hiện được do chưa được phê duyệt của các cơ quan quản lý cấp trên. Thứ ba, trong bối cảnh tài chính y tế nói chung tại Việt Nam, có nhiều lo ngại liên quan đến bất cân đối quỹ BHYT.

Thu từ hoạt động dịch vụ tăng mạnh qua các năm, năm 2018 tăng 2,7 lần so với năm 2014. Sự gia tăng này được lý giải liên quan đến lãnh đạo bệnh viện đã năng động đa dạng hóa các hoạt động có thể mang lại nguồn thu đúng quy định, như triển khai dịch vụ theo yêu cầu cho bệnh nhân nội trú vào thứ bảy, chủ nhật và ngoài giờ hành chính; thông tầm vào giờ nghỉ trưa từ 12 giờ 00 đến 13 giờ; triển khai gói tầm soát phát hiện sớm ung thư. Các hoạt động này được đánh giá là tăng tổng thu, tăng thu nhập

cho CBYT, đồng thời tăng sự hài lòng của người bệnh, dịch vụ tầm soát phát hiện sớm cũng hướng tới giảm gánh nặng của bệnh ung thư cho toàn xã hội.

Tổng chi tăng dần, trong đó chi cho chuyên môn nghiệp vụ chiếm tỉ lệ cao nhất (gần 80%), tiếp đến là chi cho con người (khoảng 12%) thấp nhất là chi cho hoạt động dịch vụ (gần 10%). Mức độ tăng chi năm 2018 so với năm 2014 là 85,59%, cao hơn mức độ tăng thu (83,8%). Điều này khác với nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Nhạn (2017) cho biết tốc độ tăng chi của Trung tâm Dịch vụ Y tế Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Khánh Hòa [3]; hay nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Bích Hường (2012) cho biết tốc độ tăng chi của Bệnh viện Việt Đức chậm hơn tốc độ tăng thu [4]. Đối với Bệnh viện Ung Bướu thì điều này được nhận định là phù hợp vì số chi cho chuyên môn nghiệp vụ chiếm gần 80% tổng chi và xu hướng gia tăng của chi phí thuốc và công nghệ y tế đắt tiền.

Chi cho con người năm 2018 tăng 46,7% so với năm 2014 nhưng tỉ trọng chi cho con người trong tổng chi giảm từ 15,14% xuống 11,88%. Điều này tương tự như nghiên cứu của Nguyễn Thị Nhạn (2017) cho thấy tỷ trọng chi cá nhân (gồm lương, phụ cấp lương và các khoản đóng góp) giảm từ 17,65% năm 2014 xuống 15,2% năm 2016 [3]; hay Nguyễn Thị Bích Hường (2012) cũng cho thấy mức chi tuyệt đối cho con người tăng nhưng tỷ trọng chi cho con người lại giảm [4].

Chênh lệch thu chi của bệnh viện có chiều hướng tăng nhiều qua các năm, năm 2014 là 128.545 triệu đồng; năm 2018 là 222.306 triệu đồng. Trích lập các quỹ tăng đều qua các năm, năm 2018 tăng gấp 2 lần so với năm 2014. Kết quả này khá giống với kết quả các nghiên cứu của Nguyễn Thị Toàn [5], Nguyễn Thị Bích Hường [4]. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp được trích lập nhiều nhất, chiếm tỉ trọng hơn 30% chênh lệch thu chi, đặc biệt là năm 2018 trích hơn 41%, cao hơn so với quy định tối thiểu 25%, điều này được đánh giá là phù hợp với đặc điểm bệnh viện chuyên khoa tuyến cuối về bệnh lý ung thư nên bệnh viện cần đầu tư trang bị các thiết bị hiện đại để phục vụ bệnh nhân. Việc sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp cũng là nhiều nhất năm 2018 do trả nợ vay kích cầu cho các máy cũ và 2 máy Truebeam đầu tư trong năm 2017, cải tạo hệ thống xử lý nước thải và mua sắm tài sản cho Khoa Điều trị Tổng hợp (khoa điều trị dịch vụ theo yêu cầu) nhằm phục vụ cho bệnh nhân có

khả năng về tài chính.

Tổng thu nhập bình quân của CBYT trong bệnh viện tăng qua các năm, năm 2014 là 11,4 triệu đồng, đến năm 2019 là 15,4 triệu đồng. So với các bệnh viện công lập ở Thành phố Hồ Chí Minh thì mức thu nhập này chưa cao nhưng cũng không phải là thấp, đặc biệt khi cân nhắc đến năm 2018 bệnh viện tuyển thêm nhiều nhân sự nhất để chuẩn bị nguồn nhân lực tiếp nhận cơ sở 2 nhưng thu nhập bình quân lại tăng nhiều hơn.

## KẾT LUẬN

Tổng thu của bệnh viện năm 2018 tăng 1,84 lần so với năm 2014. Nguồn NSNN giảm từ 109 tỷ đồng vào năm 2014 còn bằng 0 vào năm 2017 đồng thời nguồn thu sự nghiệp tăng liên tục qua các năm và tăng mạnh nhất vào năm 2017 phản ánh việc thực hiện tự chủ hoàn toàn của bệnh viện bắt đầu từ năm 2017. Thu BHYT được nhận định là nguồn thu chủ lực của bệnh viện, chiếm tỷ lệ 75,47% tổng thu viện phí. Thu từ hoạt động dịch vụ tăng mạnh qua các năm, nhờ vào việc đa dạng hóa các dịch vụ của bệnh viện. Tổng chi năm 2018 tăng 1,86 lần so với năm 2014, chủ yếu là chi cho chuyên môn nghiệp vụ (chiếm khoảng 80%). Chênh lệch thu chi cũng tăng theo từng năm, đặc biệt là năm 2017 và 2018, nhờ vậy bệnh viện đã chi thu nhập tăng thêm và trích lập các quỹ nhiều hơn và thường ưu tiên cho quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ (2015), *Nghị định 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập*, Hà Nội.
2. **Nguyễn Thị Tuyền Linh** (2014), Đánh giá kết quả một số hoạt động tài chính của Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang giai đoạn 2009 - 2013, Luận văn Thạc sĩ Quản lý Bệnh viện, Trường Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.
3. **Nguyễn Thị Nhạn** (2017), Kết quả hoạt động thu chi tài chính tại Trung tâm Dịch vụ Y tế Bệnh viện Đa khoa tỉnh Khánh Hòa giai đoạn 2014 - 2016, Luận văn Thạc sĩ Quản lý bệnh viện, Trường Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.
4. **Nguyễn Thị Bích Hường** (2012), Đánh giá một số kết quả sau 5 năm thực hiện tự chủ tài chính tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức (2007-2011), Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.
5. **Nguyễn Thị Toàn** (2010), *Thực trạng tài chính tại Bệnh viện đa khoa quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng trong 03 năm (2007-2009)*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Y tế Công cộng, Hà Nội.